MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHỨC NĂNG GIÁM SÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC CỦA QUỐC HỘI

1. **Các khái niệm**

Có thể thấy rằng, khái niệm "giám sát" và nội hàm của nó được diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau. Theo Từ điển tiếng Việt 1998 của NXB Đà Nẵng, giám sát được giải thích là: "theo dõi và kiểm tra xem có thực hiện đúng những điều đã quy định không"[1].

Mặt khác, theo Từ điển giải thích thuật ngữ hành chính, giám sát có nội dung chính như: Giám sát là sự theo dõi, quan sát hoạt động mang tính chủ động thường xuyên, liên tục và sẵn sàng tác động bằng các biện pháp tích cực để buộc các đối tượng chịu giám sát đi đúng quỹ đạo, quy chế, nhằm đạt được mục đích, hiệu quả đã được xác định từ trước, đảm bảo cho luật pháp được tuân thủ nghiêm chỉnh[2].

Cuốn sách Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu rõ: Giám sát là theo theo dõi, kiểm tra, phát hiện, đánh giá của cá nhân, tổ chức, cộng đồng người đối với cá nhân, tổ chức, cộng đồng khác trong các lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội, trong việc thực hiện Hiến pháp, pháp luật, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước, các quyền lợi, nghĩa vụ của công dân, của các tổ chức chính trị xã hội và kiến nghị phát huy ưu điểm, thành tựu, xử lý đối với cá nhân, tổ chức có những hành vi sai trái[3].

Như vậy, xuất phát từ những cách tiếp cận và giải thích trên, hoạt động giám sát được hiểu như:

Thứ nhất, là một hoạt động của một chủ thể biểu hiện qua quá trình theo dõi, quan sát, xem xét, phân tích, nhận định về hành vi, việc làm của một đối tượng nhất định.

Thứ hai, mục đích của giám sát là xem xét hành vi, việc làm của đối tượng bị giám sát có đúng với những quy định, định hướng của chủ thể quyền lực đặt ra hay không, để từ đó có những tác động nhằm điều chỉnh đối tượng thực hiện đúng

TTBD ĐBDC

---

[1] Hoàng Phê (Chủ biên); Từ điển tiếng Việt, Nxb. Đà Năng, 1998
[2]Từ điển giải thích thuật ngữ hành chính, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2000.
[3] Ngô Văn Dụ Hồng Hà, Trần Xuân Giá (Đồng chủ biên): Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội X của Đảng, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006

yêu cầu, quy định của chủ thể quyền lực. Giám sát mang tính chủ động (có mục đích, nội dung, quy chuẩn...), thường xuyên, liên tục.

Thứ ba, hoạt động giám sát mang tính pháp lý thể hiện quyền và trách nhiệm của chủ thể và đối tượng bị giám sát.

Tóm lại, giám sát là quá trình theo dõi, quan sát, xem xét, phân tích, kiểm tra và nhận định về hành vi của một đối tượng nhất định xem có vi phạm những chuẩn mực của chủ thể quyền lực hay không để từ đó đưa ra những tác động điều chỉnh đối tượng thực hiện đúng các yêu cầu chuẩn mực mà chủ thể quyền lực đề ra. Theo cách định nghĩa này, giám sát có những đặc trưng và tính chất sau:

Giám sát là việc chủ thể giám sát theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát trong việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Giám sát là hoạt động có mục đích, luôn gắn với chủ thể, đối tượng nhất định và được tiến hành trên cơ sở những quy định cụ thể. Hiến pháp năm 1946 là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên quy định thẩm quyền giám sát tối cao của Quốc hội. Trên cơ sở kế thừa và phát triển quy định về quyền giám sát tối cao của Quốc hội trong các bản hiến pháp trước, Điều 83, Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001 quy định: “Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước". Để cụ thể hóa hơn nữa về cơ sở pháp lý và nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực của chức năng này, ngày 17/6/2003, Quốc hội đã chính thức ban hành Luật hoạt động giám sát của Quốc hội. Hiến pháp năm 2013 quy định Quốc hội “thực hiện quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước" (Điều 69) và “thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội" (Điều 70). Triển khai thực hiện quy định của Hiến pháp năm 2013, ngày 20/11/2015, Quốc hội đã thông qua Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, thay thế Luật hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2003.

Để hiểu một cách đúng đắn mục đích thực hiện chức năng giám sát quyền lực nhà nước của Quốc hội cần phải phân biệt “giám sát" với một số thuật ngữ khác như “kiểm tra", “kiểm sát", “thanh tra"... để thấy rõ nội hàm của nó.

Đối với thuật ngữ “kiểm tra” thì kiểm tra được hiểu là hoạt động xem xét, đánh giá việc thực hiện các công việc trong hoạt động quản lý nhà nước. Chủ thể

có quyền thực hiện hoạt động kiểm tra là thủ trưởng các cơ quan nhà nước, với mục đích xem xét việc thực hiện các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên cũng như các quyết định quản lý của mình. Hoạt động kiểm tra được tiến hành thường xuyên theo yêu cầu của công tác tổ chức quản lý và được thực hiện bằng hình thức thủ trưởng cơ quan hoặc người được thủ trưởng cơ quan ủy quyền trực tiếp nghe báo cáo hoặc xem xét tại chỗ. Nội dung, phạm vi kiểm tra phụ thuộc vào nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, nội dung kiểm tra được thực hiện trên hai phương diện: xem xét việc thực hiện pháp luật cũng như việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch, các quyết định quản lý và làm rõ những nguyên nhân sai sót, hạn chế để khắc phục hoặc có biện pháp xử lý. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật, chủ thể kiểm tra có quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật như xử phạt hành chính, đình chỉ hành vi vi phạm, khôi phục tình trạng trước khi có vi phạm, buộc bồi thường thiệt hại... Kiểm tra khác với giám sát ở chỗ: Kiểm tra là kiểm soát hồ sơ, chứng từ và tra hỏi người đã thực hiện công việc bị kiểm tra. Kiểm tra là việc làm sau khi sự việc đã kết thúc. Trái lại, giám sát được thực hiện cùng lúc với việc xảy ra, không tra hỏi. Giám sát và kiểm tra khác nhau hoàn toàn về thời gian, tra hỏi và kiểm soát hồ sơ.

Về khái niệm "kiểm sát", ở đây chủ thể tiến hành hoạt động kiểm sát là Viện kiểm sát nhân dân với chức năng được quy định tại Điều 107, Hiến pháp năm 2013 như sau: "Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp... góp phần đảm bảo cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất". Dù xét ở góc độ nào thì hoạt động kiểm sát cũng chỉ là một trong nhiều hình thức thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát nhà nước nhằm bảo đảm cho pháp luật được thi hành một cách triệt để và thống nhất, mà ở đây đó là trong một lĩnh vực cụ thể là hoạt động tư pháp.

Theo nghĩa hẹp, thanh tra được hiểu là hoạt động xem xét làm rõ đúng, sai trong việc thực hiện chính sách pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước của các cơ quan, tổ chức, tìm ra nguyên nhân, đề xuất biện pháp khắc phục, xử lý theo quy định của pháp luật. Các cơ quan thanh tra chuyên ngành là chủ thể có thẩm quyền thực hiện thanh tra nhằm kiểm tra việc thực hiện các quyết định của mình và thanh tra thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch của các cơ quan nhà nước. Bên cạnh đó, hoạt động thanh tra thực chất là việc kiểm tra theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan quản lý, nhưng được thực hiện thông qua bộ máy thanh tra. Theo Từ điển pháp luật Anh - Việt, thanh tra "là sự kiểm soát, kiểm kê

đối với đối tượng bị thanh tra"[4]. Theo Từ điển tiếng Việt: “Thanh tra là kiểm soát xem xét tại chỗ việc làm của địa phương, cơ quan, xí nghiệp"[5]. Như vậy, thanh tra bao hàm nghĩa kiểm soát nhằm “xem xét và phát hiện ngăn chặn những gì trái với quy định"[6]. Thanh tra thường đi kèm với một chủ thể nhất định ví dụ như: “Người làm nhiệm vụ thanh tra”, “đoàn thanh tra của Bộ"[7] và “đặt trong phạm vi quyền hạn của một chủ thể nhất định"[8].

Có thể thấy rằng, cần có sự phân biệt khái niệm “giám sát" với khái niệm “thanh tra" khi xem xét về mặt lý luận của hoạt động chính trị. Trong hoạt động tăng cường công tác thanh tra và chấn chỉnh hệ thống thanh tra nhà nước, khái niệm “thanh tra" được diễn đạt như sau: “Thanh tra là một khâu công tác quan trọng trong toàn bộ công tác quản lý của bộ máy nhà nước. Nó có mục đích giúp cơ quan lãnh đạo vừa kiểm tra sự đúng đắn của bản thân sự lãnh đạo của mình, vừa kiểm tra sự chấp hành của cơ quan thuộc quyền nhằm tìm tìm ra những biện pháp chỉ đạo và quản lý tốt nhất, bảo đảm cho những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được chấp hành một cách đầy đủ và có hiệu lực"[9].

Như vậy, thanh tra phân biệt với giám sát trước hết ở chỗ: nó là công cụ hỗ trợ cho hoạt động quản lý nhà nước của hệ thống cơ quan quản lý hành chính. Thanh tra là công cụ kiểm soát của hệ thống hành pháp, còn giám sát là hoạt động của hệ thống quyền lực lập pháp. Điểm khác biệt nữa là đối tượng của hoạt động thanh tra là cơ quan, tổ chức chấp hành, thực hiện quyền lực hành pháp (thuộc quyền quản lý của cơ quan hành chính).

Phân biệt giữa thanh tra với giám sát còn được thể hiện: chủ thể giám sát không có quyền áp dụng chế tài cụ thể, trực tiếp để xử lý sai phạm khi đã phát hiện; còn chủ thể thanh tra thì có quyền đưa ra chế tài cần thiết đối với đối tượng vi phạm như đình chỉ hoạt động, chuyển vụ việc sang cơ quan điều tra...

Ngoài ra, khi nói tới việc giám sát quyền lực nhà nước thì khái niệm kiểm soát và giám sát quyền lực nhà nước cũng thường xuyên được đề cập tới. Kiểm soát quyền lực là việc chủ thể quyền lực sử dụng các công cụ, phương tiện, biện pháp để tác động vào mối quan hệ giữa người áp đặt ý chí (người mang quyền

---

[4] *Từ điển pháp luật Anh - Việt, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994*
[5] *Từ điển tiếng Việt, Nxb, Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994*
[6] *Từ điển tiếng Việt, Nxb, Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994*
[7] *Từ điển tiếng Việt, Nxb, Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.*
[8] *Từ điển tiếng Việt, Nxb, Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.*
[9] *Xem Hoàng Phê (Chủ biên) Từ điển tiếng Việt.*

lực) và người bị áp đặt ý chí (người phục tùng quyền lực) nhằm hạn chế xu hướng tha hóa quyền lực bằng cách phân công, phối hợp giữa các cơ quan của Đảng và Nhà nước trong việc lãnh đạo và thực hiện chức năng lập pháp, hành pháp và tư pháp. Kiểm soát quyền lực là việc xem xét quyền định đoạt và sức mạnh bảo đảm việc thực hiện quyền ấy để phát hiện, ngăn chặn, xử lý những gì trái với quy chế làm việc, Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nói cách khác, kiểm soát quyền lực là kiểm soát con người được giao quyền lực và thực thi quyền lực được giao. Theo đó, để kiểm soát được quyền lực cần có những cơ chế kiểm soát, cơ chế kiểm soát quyền lực là cách thức phát hiện, ngăn chặn, xử lý việc sử dụng quyền lực sai trái với quy chế làm việc, Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đề cập tới chức năng giám sát quyền lực nhà nước của Quốc hội không thể không nói tới quyền giám sát tối cao của Quốc hội. Giám sát tối cao có nghĩa là sự theo dõi, xem xét cao nhất, được áp dụng đối với cả ở trung ương và địa phương, cả ở các ngành, các cấp, cơ sở và đối với mọi người. Quyền giám sát tối cao của Quốc hội là quyền của Quốc hội thực hiện việc theo dõi, xem xét, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp đối với các văn bản và hoạt động của Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, xử lý những vi phạm Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội do những cơ quan nói trên gây ra nhằm bảo đảm cho Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội được nghiêm chỉnh chấp hành.

Theo quy định của Hiến pháp, Quốc hội là cơ quan đại diện của nhân dân và được coi là một trong ba nhánh quyền lực (lập pháp tạo nên chỉnh thể quyền lực nhà nước). Do vậy, khi xem xét chế định pháp lý về quyền giám sát tối cao của Quốc hội không thể tách rời với việc nghiên cứu tổ chức quyền lực nhà nước, bởi lẽ phạm vi, đối tượng, phương thức và cơ chế thực hiện quyền giám sát sao cho hiệu lực và hiệu quả phụ thuộc phần lớn vào hình thức tổ chức quyền lực nhà nước và vị trí, vai trò của Quốc hội trong hệ thống quyền lực đó. Việc nghiên cứu chức năng giám sát của Quốc hội trong cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước sẽ góp phần làm rõ vấn đề: Tại sao Quốc hội phải giám sát và giám sát nhằm mục đích gì?

TTBD ĐBDC

Qua nghiên cứu lịch sử lập hiến của Việt Nam có thể thấy rằng: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, theo đó, quyền lực của Nhân dân được thực hiện thông qua thiết chế dân chủ đại diện, cụ thể là thông qua cơ quan quyền lực nhà nước do chính Nhân dân bầu ra - đó là Quốc hội. Như vậy, Quốc hội là thiết chế dân chủ đại diện được thiết lập thông qua tuyển cử mang tính đại diện cho quyền và lợi ích của Nhân dân; hay nói cách khác, Nhân dân thực hiện quyền dân chủ thông qua một cơ quan đại diện bao gồm những đại biểu do mình bầu ra. Và Quốc hội chính là nơi thể hiện tính dân chủ đại diện của quyền lực nhân dân. Thông qua cơ quan đại diện này mà Nhân dân bảo vệ được quyền và lợi ích của chính mình và cũng thông qua đó Nhân dân giám sát, kiểm soát, phê bình được các cơ quan nhà nước, giúp cho Nhà nước thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình. Hiến pháp năm 1946 đã quy định: "Nghị viện nhân dân (Quốc hội) là cơ quan có quyền cao nhất nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa" (Điều 22), có chức năng giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc (Điều 23). Điều này thể hiện quan niệm: Quốc hội là cơ quan đại diện cho dân, được dân ủy quyền để thực hiện quyền lực của dân, chứ không phải là cơ quan được giao tất cả quyền lực bởi nhân dân vẫn là chủ thể quyền lực cao nhất. Tư tưởng quyền lực nhà nước là thống nhất và "Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất" vẫn là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt trong nội dung các bản Hiến pháp năm 1959, năm 1980 và năm 1992. Vị trí tối cao của Quốc hội đã được quy định tại Điều 83 của Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ năm 2001 và Điều 69, Hiến pháp năm 2013 như sau "Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

TTBD ĐBDC

Giám sát là một trong những chức năng quan trọng của Quốc hội nước ta và Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền giám sát tối cao. Việc quy định Quốc hội có quyền giám sát tối cao cũng là điểm khác sung hội các nước tư bản có mô hình tổ chức bộ máy nhà nước theo nguyên tắc phân quyền.

Như vậy có thể xác định: Quyền giám sát tối cao của Quốc hội là một bộ phận quan trọng cấu thành nên quyền lực của Quốc hội và là một chức năng quan trọng của Quốc hội. Quyền giám sát của Quốc hội Việt Nam là quyền giám sát tối cao bắt nguồn từ vị trí pháp lý tối cao của Quốc hội trong bộ máy nhà nước: "Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (Điều 69, Hiến pháp năm

2013), có các đặc trưng cơ bản: Giám sát mang tính quyền lực nhà nước; Quốc hội là cơ quan nhà nước duy nhất được Nhân dân giao cho thực hiện quyền giám sát tối cao.

2. Một số lý luận cơ bản về giám sát quyền lực nhà nước

2.1 Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về kiểm tra, kiểm soát quyền lực nhà nước

Quan điểm của C. Mác - Ph. Ăngghen: Nghiên cứu quan điểm C. Mác và Ph. Ăngghen, có thể thấy các ông không đi sâu bàn việc kiểm soát quyền lực một cách trực tiếp, mà chủ yếu bàn tới công tác kiểm tra, kiểm soát của đảng cầm quyền và nhà nước. Khi nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Ăngghen, cần có cách tiếp cận rộng hơn các hình thức giám sát quyền lực. Trong bộ Tư bản, C. Mác đã đề cập công tác kiểm tra nói chung - kiểm tra là một phương thức hành động để thực hiện mục đích, được xem như là quy luật. Theo quan điểm của Mác - Ăngghen thì kiểm tra là một tất yếu khách quan đối với hoạt động của con người và tổ chức. Có hoạt động thì phải có kiểm tra. Ph. Ăngghen đã viết: “Phân quyền được xem như là nguyên tắc thiêng liêng và không thể xâm phạm được trên thực tế, về thực chất nó không có gì khác là sự phân công công việc lao động được áp dụng đối với bộ máy nhà nước nhằm đơn giản hóa và để kiểm tra"[10]. Khi xem xét mối liên hệ giữa “Thuyết phân quyền" với sự phân công lao động trong bộ máy nhà nước, các ông cho rằng, thuyết phân quyền ở đó nghị viện chỉ là nơi bàn cãi suông, tòa án chỉ độc lập giả dối, còn toàn bộ quyền lực tập trung vào cơ quan hành pháp.

Trên cơ sở kế thừa những khái niệm cơ bản của các học thuyết chính trị pháp lý, kể cả thuyết phân chia quyền lực, tổng kết kinh nghiệm đấu tranh giai cấp, C. Mác và Ph. Ăngghen đã cho ta thấy, trong xã hội có giai cấp đối kháng, quyền lực nhà nước nằm trong tay giai cấp thống trị; nếu chế độ nhà nước đó bị đập tan thì quyền lực nhà nước trả về tay nhân dân, như chính cội nguồn ban đầu của nó, nhân dân là gốc của quyền lực và là chủ thể của quyền lực. Sự thay đổi về bản chất này cần có quan điểm mới về tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước, kiểm soát quyền lực nhà nước khi nhà nước của nhân dân lao động được thành lập dưới chủ nghĩa xã hội.

TTBD DBDC

[10] *C, Mác và Ph. Ăngghen: Tuyển tập, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981*

Bên cạnh đó, Lênin đã bàn rất nhiều và sâu trong nhiều tác phẩm về công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm kê, kiểm soát[11]. Nội dung quan điểm của Lênin được thể hiện rõ ở bốn vấn đề chủ yếu như tính tất yếu phải kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát; những nội dung cơ bản của kiểm tra, kiểm soát; chủ thể kiểm tra, kiểm soát và đối tượng của nó; tổ chức, hình thức, phương pháp tiến hành kiểm tra, kiểm soát...

Theo đó, những nội dung chủ yếu của kiểm tra, kiểm soát bao gồm:

Một là, kiểm tra, kiểm soát việc sản xuất và phân phối những sản phẩm chủ yếu nhất.

Hai là, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động tài chính và tiền tệ, nhất là hoạt động của ngân hàng, lưu thông tiền tệ, thu nhập, chi tiêu và nộp thuế của các nhà giàu.

Ba là, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của nhà nước; việc thi hành các chức trách và chấp hành kỷ luật lao động.

Bốn là, kiểm tra, kiểm soát để phát hiện kịp thời và đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực. Đây chính là những vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước, tuy nhiên ở các quy mô rất khác nhau. Lênin cho rằng, nội dung công tác kiểm tra bao gồm: kiểm tra việc và kiểm tra người. Nó bao trùm toàn bộ công tác kiểm soát việc thực thi quyền lực nhà nước, chứ không chỉ là một quá trình của công tác lãnh đạo.

Khi giai cấp tư sản nắm quyền thống trị thì chủ thể kiểm tra, kiểm soát thuộc về giai cấp tư sản. Còn đối tượng (khách thể) kiểm tra, kiểm soát là giai cấp vô sản và quần chúng lao động.

Khi giai cấp vô sản giành quyền thống trị thì chủ thể kiểm tra, kiểm soát thuộc về giai cấp công nhân và toàn thể người dân tiến hành. Nhà nước chuyên chính vô sản dựa vào quần chúng lao động, trước hết là công nhân và nông dân để tiến hành kiểm tra, kiểm soát. Đối tượng bị kiểm tra, kiểm soát lúc này bao gồm: Tất cả các đơn vị kinh tế, các ngành... Nhà nước và các tổ chức đảng vừa là chủ thể vừa là khách thể của công tác kiểm tra, kiểm soát.

---

[11] *Xem VI, Lênin: Bàn về kiểm kê, kiểm soát, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998*

Về tổ chức, hình thức, phương pháp tiến hành kiểm tra, kiểm soát, Lênin cho rằng: Công tác tổ chức là công tác có ích nhất và cần thiết nhất cho nhân dân. Nếu quần chúng không có tổ chức thì không thể bảo đảm một sự kiểm tra, kiểm soát nghiêm chỉnh. Cần đề bạt những người có tài tổ chức xuất thân từ tất cả các tầng lớp dân cư, các giai cấp vào cương vị then chốt trong bộ máy kiểm tra, kiểm soát. Vấn đề cấp thiết nhất là tiến hành cải tiến bộ máy nhà nước Xô-viết theo nguyên tắc "Thà ít mà tốt". Cơ quan đầu tiên cần phải được cải tiến là Bộ Dân ủy Thanh tra công nông. Phải chọn người đứng đầu có uy tín, coi trọng chất lượng và tinh giản biên chế của cơ quan này.

Riêng đối với cơ quan kiểm tra của Đảng phải được củng cố, xây dựng đủ mạnh để thực thi tốt chức năng, nhiệm vụ của nó. Cần thiết lập ban kiểm tra song song với Ban Chấp hành Trung ương. Thành phần của ban này bao gồm những đồng chí có uy tín nhất. Các thành viên của Ban Kiểm tra Trung ương có quyền tham dự các kỳ họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, có quyền đọc các tài liệu và có ý kiến. Theo Lênin, để nâng cao hiệu quả kiểm tra, kiểm soát cần thực hiện tốt những phương pháp chủ yếu sau: Một là, phải tổ chức phối hợp việc kiểm tra, kiểm soát từ dưới lên và từ trên xuống. Nhất thiết phải đặt ra và chấp hành những quy tắc về tiếp dân, tổ chức phòng tiếp khách sao cho việc lui tới cơ quan được tự do, hoàn toàn không cần có giấy phép nào cả. Hai là, phải công khai hóa việc kiểm tra, kiểm soát. Ba là, kiểm tra phải thực sự, hình thức kiểm tra phải linh hoạt. Bốn là, kiểm tra và xử lý phải thật nghiêm minh, kiên quyết.

2.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân

TTBD ĐBDC

Khi bàn về vai trò của Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm về Nhân dân quản lý nhà nước. Điều đáng lưu ý là việc Nhà nước tiến hành các hoạt động nhằm mục đích phục vụ lợi ích của Nhân dân, thì đồng thời, đó cũng chính là nhằm tạo điều kiện để Nhân dân có thể tham gia quản lý nhà nước. Người viết: "chỉ có chế độ của chúng ta mới thật sự phục vụ lợi ích của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, bảo đảm mọi quyền lợi của nhân dân, mở rộng dân chủ để nhân dân thật sự tham gia quản lý Nhà nước. Vì vậy cho nên nhân dân ta đưa hết khả năng làm tròn nhiệm vụ người chủ nước nhà để xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho nước ta mạnh, dân ta giàu"[12]. Luôn có ý thức và quan điểm rõ

---

[12] *Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011*

ràng về việc thiết lập quyền lực của nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, chỉ có Nhà nước do Nhân dân bầu ra mới là một nhà nước hợp hiến, hợp pháp. Bởi vậy, việc sớm xây dựng Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là đặc biệt cần thiết và quan trọng. Coi Nhân dân là những người chủ thực sự của đất nước, Người khẳng định rằng, mọi người dân, không phân biệt đảng phái, tôn giáo, giàu nghèo, gái trai... đều có quyền bầu những người đại diện cho mình tham gia Quốc hội và có quyền ứng cử. Trong tư tưởng về xây dựng Nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh đến quan hệ về trách nhiệm giữa đại biểu Quốc hội với cử tri. Người cho rằng, Nhân dân có quyền kiểm soát, giám sát và bãi miễn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân khi những đại biểu ấy không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân; với tư cách người đại diện cho Nhân dân, những đại biểu của cơ quan dân cử các cấp phải liên hệ mật thiết với quần chúng, lắng nghe ý kiến, nắm được yêu cầu và phản ánh đúng tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân.

Nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phải là nhà nước thực hiện chức năng quản lý, điều hành xã hội bằng pháp luật; các quyền làm chủ của Nhân dân phải được thể chế hóa. Một vấn đề quan trọng khác của nhà nước pháp quyền mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm là tính hiệu quả, tính nghiêm minh trong thực thi pháp luật. Sự hiện diện của pháp luật mới chỉ là điều kiện cần, nhưng chưa đủ để bảo đảm ổn định xã hội. Một xã hội muốn ổn định và phát triển không những phải có hệ thống pháp luật của mình, mà còn phải có cơ chế thực hiện pháp luật bảo đảm tính nghiêm minh và công bằng. Nhận thức sâu sắc điều đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi pháp luật xã hội chủ nghĩa phải đủ mạnh, được thực hiện nghiêm minh, việc xét xử phải khách quan, công bằng, không thiên vị. Chúng ta đang phấn đấu đến một xã hội trong đó không có người bóc lột người, không có sự xâm phạm và làm hại đến lợi ích chính đáng của người khác, mọi người sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật...

2.3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vị trí, vai trò của cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân

Trong các văn kiện của Đảng và Hiến pháp Việt Nam luôn khẳng định vị trí đặc biệt quan trọng của Quốc hội. Vị trí đặc biệt đó thể hiện sâu sắc ở các tính chất sau đây: Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc hội

thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước (Điều 69, Hiến pháp năm 2013). Quốc hội là chủ thể quan trọng trong hệ thống chính trị Việt Nam. Trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc hội được xác định là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thống nhất. Quốc hội thể hiện tính đại diện nhân dân và tính quyền lực nhà nước. Tính quyền lực nhà nước của Quốc hội thể hiện ở thẩm quyền của Quốc hội và được cụ thể hóa thành các chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể. Như vậy, cơ quan này có ba chức năng chính: lập hiến, lập pháp; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Thông qua lá phiếu tín nhiệm, Nhân dân ủy thác quyền lực của mình cho Quốc hội. Thay mặt Nhân dân, Quốc hội quy định, thực hiện và bảo đảm thực hiện quyền lực thống nhất trong cả nước. Đây là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước, thực hiện quyền lực của Nhân dân. Thông qua hoạt động của mình, Quốc hội biến ý chí của Nhân dân thành ý chí của Nhà nước, thể hiện qua Hiến pháp, luật, pháp lệnh, các nghị quyết, mang tính bắt buộc thực hiện đối với mọi thành viên trong xã hội. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Một, làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật. Đây là chức năng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp luật cao nhất, tạo nên nền tảng của thể chế xã hội. Quốc hội quyết định những vấn đề cơ bản nhất về đối nội và đối ngoại của đất nước;

Hai, các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước. Những vấn đề này có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển toàn diện của đất nước cũng như duy trì trật tự ổn định xã hội.

Ba, Quốc hội xác định các nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; trực tiếp quyết định thành lập các cơ quan quan trọng trong bộ máy nhà nước; trực tiếp bầu, phê chuẩn những chức vụ cao nhất trong các cơ quan nhà nước ở Trung ương.

Bốn, Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước theo Hiến pháp và pháp luật... Thực tiễn chỉ ra rằng, muốn xây dựng và củng

cố vững chắc nền tảng chính trị - pháp lý của đất nước không thể không ngừng chăm lo xây dựng và củng cố Quốc hội, phát huy vai trò của Quốc hội trong việc thực hiện các chức năng lập hiến và lập pháp; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Phê (Chủ biên), Từ điển tiếng Việt, Nxb. Đà Nẵng, 1998
2. Từ điển giải thích thuật ngữ hành chính, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2000.
3. Ngô Văn Dụ Hồng Hà, Trần Xuân Giá (Đồng chủ biên): Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội X của Đảng, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006
4. Từ điển pháp luật Anh - Việt, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994
5. Từ điển tiếng Việt, Nxb, Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994
6. C. Mác và Ph. Ăngghen: Tuyển tập, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981

TTBD ĐBDC